**TRƯỜNG THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG**

**Nội dung ôn tập HKII – môn Tiếng Anh – Lớp 7**

**Tuần 25- Tiết 1+2: Past simple tense**

 ***Thời gian học từ 13/4 đến 18/4/2020***

**--------**

**I. MỤC TIÊU :**

- Học sinh nắm được công thức, dấu hiệu nhận biết của Thì quá khứ đơn.

 - Vận dụng kiến thức đã học để luyện tập các dạng bài tập trắc nghiệm, sắp xếp câu liên quan đến thì quá khứ đơn.

**II. NỘI DUNG KIẾN THỨC:**

**I. PAST SIMPLE TENSE (THÌ QUÁ KHỨ ĐƠN)**

***1. Cấu trúc câu***

***a. Thể khẳng định***

***S+ V2/Ved***

- Có 2 cách chia động từ ở quá khứ đơn:

+ Động từ có quy tắc (***regular verbs***) 🡪 thêm ***ed*** vào sau động từ nguyên mẫu.

*Ex: visit 🡪 visited; work 🡪 worked; watch 🡪 watched*

**⮚Lưu ý:**

- Động từ tận cùng là ***e*** thì chỉ cần thêm ***d***:

*Ex: bake 🡪 baked; race 🡪 raced; trade 🡪 traded*

- Động từ tận cùng bằng ***phụ âm + y*** 🡪 đổi ***y*** thành ***i*** rồi thêm ***ed***:

*Ex: dry 🡪 dried; bury 🡪 buried*

**Ngoại lệ**: *stay 🡪 stayed; enjoy 🡪 enjoyed*

- Nếu động từ chỉ ***có 1 vần*** và tận cùng bằng ***nguyên âm + phụ âm*** 🡪 gấp đôi phụ âm cuối cùng rồi thêm ***ed***:

*Ex: shop 🡪 shopped; wrap 🡪 wrapped; plan 🡪 planned*

- Nếu động từ có ***2 vần trở lên***, tận cùng bằng một ***nguyên âm + phụ âm*** và có dấu nhấn trên vần cuối cùng 🡪 gấp đôi phụ âm cuối cùng rồi thêm ***ed***:

*Ex: occur 🡪 occurred; prefer 🡪 preferred*

- Không gấp đôi phụ âm cuối cùng như ***x, w*** và ***y***:

*Ex: snow 🡪 snowed; fix 🡪 fixed; stay 🡪 stayed*

+ Động từ bất quy tắc (***irregular verbs***), động từ quá khứ được chia ở cột 2 trong ***Bảng động từ bất quy tắc***.

*Ex:*

*do 🡪 did; give 🡪 gave; go 🡪 went; know 🡪 knew; be🡪was/were; eat🡪ate; have🡪 had; see🡪saw; send🡪 sent; take🡪 took; teach🡪 taught; think🡪 thought; buy🡪 bought; cut🡪 cut; make🡪 made; get🡪got; put🡪put; tell🡪 told, come🡪 came; read🡪read; understand🡪 understood; know🡪knew; sing🡪 sang; write🡪 wrote; make🡪 made.*

***b. Thể phủ định***

- Đối với động từ ***be*** (were/was), ta thêm ***not*** sau ***be***.

*Ex: That was not a good story.*

- Đối với động từ thường, ta dùng trợ động từ ***did***.

***S+didn’t+V***

*Rút gọn: did not = didn’t*

*Ex: You didn’t understand me.*

***c. Thể nghi vấn***

- Đối với động từ ***be***, ta đặt ***be*** ở đầu câu.

*Ex: Were you sick?*

- Đối với động từ thường, ta đặt trợ động từ ***did*** lên đầu câu.

***Did+ S+V…?***

*Ex: What did you do at Christmas?*

*Did you go to school yesterday?*

***2. Công dụng***

- Diễn tả sự việc đã xảy ra tại một thời điểm xác định trong quá khứ.

*Ex: Lan visited Singapore last year.*

*I met her last week.*

+Hành động đã xảy ra tại một thời điểm trong quá khứ thường được dùng với các trạng từ chỉ thời gian: ***ago*** (cách đây, trước đây), ***last night/ week/ month/ year***… (tối qua, tuần trước, tháng trước, năm ngoái…), ***yesterday*** (hôm qua)…

- Diễn tả sự việc đã thực hiện trong một khoảng thời gian ở quá khứ nhưng nay đã hoàn toàn chấm dứt.

*Ex: He lived in Hanoi from 1999 to 2000.*

*She worked in that company for five years.*

- Diễn tả hành động thường làm trong quá khứ.

*Ex: I often went swimming every Sunday last year.*

*When she was young, she often went fishing.*

***3. Phát âm***: Có 3 cách phát âm của những động từ ở dạng ***ed***

- Nếu động từ tận cùng bằng các âm */t/* hoặc */d/* thì ***ed*** được đọc là */id/*

*Ex: need 🡪 needed; want 🡪 wanted; decide 🡪 decided; start 🡪 started*

- Nếu động từ tận tận cùng bằng các **âm */f/, /k/, /p/, /s/, /ʃ/, /tʃ/, /ks/*** thì ***ed*** được đọc là */t/*

*Ex: wash 🡪 washed; book 🡪 booked; stop 🡪 stopped; watch 🡪 watched; fax 🡪 faxed; laugh 🡪 laughed*

- Nếu động từ tận cùng bằng những âm khác ngoài 2 trường hợp trên thì ***ed*** đọc là ***/d/***

*Ex: play 🡪 played; plan 🡪 planned; offer 🡪 offered; call 🡪 called; borrow 🡪 borrowed*

**III. DẶN DÒ.**

 **- Học sinh xem lại phần lý thuyết bên trên, ghi chép đầy đủ vào tập .**

**TRƯỜNG THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG**

**Nội dung ôn tập HKII – môn Tiếng Anh – Lớp 7**

**Tuần 25 - Tiết 3: các cấu trúc**

 ***Thời gian học từ 13/4 đến 18/4/2020***

**I. MỤC TIÊU :**

- Học sinh nắm được công thức, cách viết câu dựa vào các cấu trúc đặc biệt..

- Vận dụng kiến thức đã học để luyện tập các dạng bài tập: trắc nghiệm, sắp xếp câu , viết lại câu.

**II. NỘI DUNG KIẾN THỨC:**

**I. CẤU TRÚC:**

**1. Why + am/ is/ are/ do/ does/ did + S + O?**

**🡪 Because + S + V + O**

**Ex**:

1. **Why** were you late for class yesterday?

🡪 **Because** I was stuck in a traffic jam.

2. **Why** didn’t Lan go to school yesterday?

🡪**Because** she had a bad cold.

3. **Why** did Hoa go to the dentist last week?

🡪 **Because** she had a toothache**.**

**2. S + remember + to do something**

**🡪 S + don’t/ doesn’t forget + to do something**

Ex:

1**.** Remember to do your test carefully.

**🡪 Don’t forget** to do your test carefully.

2. Don’t forget to do your homework.

***🡪 Remember*** to do your homework

3. Remember to brush your teeth after meals.

 🡪 **Don’t forget** to brush your teeth after meals.

**3. It + be + Adj**

**🡪 What a/ an + adj + N!**

 Ex:

1. The boys are very intelligent.

**🡪*What*** *intelligent boys!*

2. The girl is very lovely.

**🡪What** a lovely girl!

3***.*** The house is beautiful.

 **🡪 *What*** *a beautiful house!*

**III. DẶN DÒ.**

 - Học sinh xem lại phần lý thuyết bên trên, ghi chép đầy đủ vào tập.